

## PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 5

### Tuần 29 – Đề số 1

**Bài 1.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Số liền trước của 789 là ....
- b) Số liền sau của 789 là ...
- c) Số liền trước của ... là 890.
- d) Số liền sau của ... là 890.

**Bài 2.** Rút gọn các phân số:

$$\frac{4}{6}; \quad \frac{15}{20}; \quad \frac{14}{35}; \quad \frac{55}{99}; \quad \frac{75}{100}.$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 3.** Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

$34,5 \dots 43,1$

$17,500 \dots 17,5$

$9,37 \dots 9,284$

$48,567 \dots 48,576$

**Bài 4.** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $1\text{m} = \dots \text{dam}$

b)  $1\text{g} = \dots \text{kg}$

$1\text{m} = \dots \text{hm}$

$1\text{kg} = \dots \text{tấn}$

$1\text{m} = \dots \text{km}$

$1 \text{ tạ} = \dots \text{ tấn}$

**Bài 5.** Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân :

a)  $3\text{km } 675\text{m} = \dots\dots \text{ km}$

b)  $8709\text{m} = \dots\dots \text{ km}$

c)  $303\text{m} = \dots\dots \text{ km}$

d)  $185\text{cm} = \dots\dots \text{ m.}$

**Bài 6.** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a)  $\frac{27}{10}$  tấn = ... tấn

b)  $\frac{32}{100}$  kg = ... kg

c)  $\frac{14}{5}$  km = ... km

d)  $\frac{1}{4}$  m = ... m

**LỜI GIẢI CHI TIẾT****Bài 1.****Phương pháp:**

- Số liền trước của một số kém số đó 1 đơn vị.
- Số liền sau của một số hơn số đó 1 đơn vị.

**Cách giải:**

- Số liền trước của 789 là **788**.
- Số liền sau của 789 là **790**.
- Số liền trước của **891** là 890.
- Số liền sau của **889** là 890.

**Bài 2.****Phương pháp:**

Khi rút gọn phân số có thể làm như sau:

- Xét xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.
- Chia tử số và mẫu số cho số đó.

Cứ làm như thế cho đến khi nhận được phân số tối giản.

**Cách giải:**

$$\frac{4}{6} = \frac{4:2}{6:2} = \frac{2}{3};$$

$$\frac{15}{20} = \frac{15:5}{20:5} = \frac{3}{4};$$

$$\frac{14}{35} = \frac{14:7}{35:7} = \frac{2}{5};$$

$$\frac{55}{99} = \frac{55:11}{99:11} = \frac{5}{9};$$

$$\frac{75}{100} = \frac{75:25}{100:25} = \frac{3}{4}$$

**Bài 3.****Phương pháp:**

Muốn so sánh hai số thập phân ta có thể làm như sau:

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn ... đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.
- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

**Cách giải:**

$$34,5 < 43,1$$

$$17,500 = 17,5$$

$$9,37 > 9,284$$

$$48,567 < 48,576$$

**Bài 4.****Phương pháp:**

- Áp dụng bảng đơn vị đo độ dài và khối lượng.
- Áp dụng cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân:

$$\frac{1}{10} = 0,1; \quad \frac{1}{100} = 0,01; \quad \frac{1}{1000} = 0,001; \quad \dots$$

**Cách giải:**

$$\text{a) } 1\text{m} = 0,1\text{dam}$$

$$\text{b) } 1\text{g} = 0,001\text{kg}$$

$$1\text{m} = 0,01\text{hm}$$

$$1\text{kg} = 0,001 \text{ tấn}$$

$$1\text{m} = 0,001\text{km}$$

$$1 \text{ tạ} = 0,01 \text{ tấn}$$

**Bài 5.****Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức:

$$1\text{km} = 1000\text{m}, \text{ hay } 1\text{m} = \frac{1}{1000}\text{km} = 0,001\text{km};$$

$$1\text{m} = 100\text{cm}, \text{ hay } 1\text{cm} = \frac{1}{100}\text{m} = 0,01\text{m}.$$

**Cách giải:**

a)  $3\text{km } 675\text{m} = 3,675\text{km}.$

b)  $8709\text{m} = 8,709\text{km}.$

c)  $303\text{m} = 0,303\text{km}.$

d)  $185\text{cm} = 1,85\text{m}.$

**Bài 6.****Phương pháp:**

Áp dụng cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân:

$$\frac{1}{10} = 0,1; \quad \frac{1}{100} = 0,01; \quad \frac{1}{1000} = 0,001; \quad \dots$$

**Cách giải:**

a)  $\frac{27}{10} \text{ tấn} = 2,7 \text{ tấn}$

b)  $\frac{32}{100} \text{ kg} = 0,32 \text{ kg}$

c)  $\frac{14}{5} \text{ km} = \frac{28}{10} \text{ km} = 2,8 \text{ km}$

d)  $\frac{1}{4} \text{ m} = \frac{25}{100} \text{ m} = 0,25\text{m}.$